CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI
P703, Ocean Park Building, Số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số B 02a - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: 5146
Giờ ..... Ngày 21 tháng 02 năm 11

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ IV NĂM 2010 (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	**29.601.831.196**	**40.127.115.445**	**130.683.346.736**	**173.552.085.143**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-03)	10		29.601.831.196	40.127.115.445	130.683.346.736	173.552.085.143
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	23.317.012.628	53.310.357.499	142.058.679.234	225.632.852.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10-11)	**20**		**6.284.818.568**	**(13.183.242.054)**	**(11.375.332.498)**	**(52.080.767.285)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.169.098.679	493.364.527	26.562.532.656	58.942.916.035
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	627.351.348	6.586.222.142	19.304.794.621	17.557.373.657
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*(1.280.702.926)*	*3.644.948.158*	7.688.492.755	11.375.110.485
8. Chi phí bán hàng	24		349.376.440	401.728.387	1.478.048.969	1.275.969.121
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.041.497.783	11.171.303.736	26.296.137.958	27.055.303.785
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22)-(24+25)}	**30**		**18.435.691.676**	**(30.849.131.792)**	**(31.891.781.390)**	**(39.026.497.813)**
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.735.096.185	3.784.487.834	155.994.985.600	9.360.682.849
12. Chi phí khác	32	VI.6	512.731.201	2.725.713.715	167.109.849.136	2.789.011.615
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.222.364.984	1.058.774.119	(11.114.863.536)	6.571.671.234
14. Lợi nhuận/lỗ trong Công ty liên kết liên doa	45		(529.438.695)		(529.438.695)	
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	**50**		**19.128.617.965**	**(29.790.357.673)**	**(43.536.083.621)**	**(32.454.826.579)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		49.266.230	41.278.658	135.465.727	41.278.658
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	**60**	VI.7	**19.079.351.735**	**(29.831.636.331)**	**(43.671.549.348)**	**(32.496.105.237)**
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		147.794.793		147.794.793	
18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		18.931.556.942		(43.819.344.141)	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	**70**					

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lan Anh	Hoàng Duy Anh	Nguyễn Quang Phúc

S.Đ.K.K.D: 058428 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI HÀ NỘI Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI